

TIẾT 108: TÌM HIỂU YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ
TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

A. PHẦN 1. HS đọc và trả lời câu hỏi vào tập bài soạn.

1. HS xem ví dụ 1: (SGK/113,114)

? Vì sao đoạn trích a có yếu tố tự sự nhưng không phải là văn bản tự sự, còn đoạn trích b có yếu tố miêu tả nhưng không phải là văn bản miêu tả.

? Giả sử đoạn trích a không có những chi tiết cụ thể kể lại một kiểu bắt lính kì quặc và tàn ác, liệu ta có thể lường hết được việc mộ lính “tình nguyện” đã gây ra sự những lăm trắng trợn đến mức nào không? Còn ở đoạn trích b nếu thiếu những dòng miêu tả sinh động về những người lính Việt Nam bị xích tay, hay bị nhốt trong trường học, “có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn” thì ta có hình dung rõ sự giả dối, lừa gạt trong lời rêu rao về “lòng sốt sắng đầu quân tấp nập và không ngần ngại” được không.

? Từ việc tìm hiểu trên, em có nhận xét gì về vai trò của các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.

2. HS xem ví dụ 2: (SGK/115)

? Tìm những yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản trên và cho biết tác dụng của chúng.

? Vì sao tác giả văn bản trên đã không kể lại đầy đủ và cặn kẽ toàn bộ hai chuyện Chàng Trăng và Nàng Han, mà chỉ tả cụ thể một số hình ảnh và kể kỹ một số chi tiết trong những câu chuyện ấy.

? Từ việc tìm hiểu trên, hãy cho biết: Khi đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào văn nghị luận, cần chú ý những gì?

B. PHẦN 2.

(NỘI DUNG GHI BÀI (YÊU CẦU HỌC SINH GHI VÀO TẬP BÀI HỌC).

I. Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận:

1. Ví dụ:

***Ví dụ 1: (SGK/113,114)**

- Yếu tố tự sự và miêu tả :

- a. Vị chúa tỉnh...ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, một trong thời hạn nhất định.. đi lính tình nguyện...
- b. Tập nập đầu quân, không ngần ngại rời bỏ quê hương xiết bao triu mến...lính khổ đỏ, lính khổ xanh....
- => Hai đoạn văn trên có yếu tố tự sự và miêu tả nhưng không thể gọi là văn miêu tả hay tự sự. Vì hai yếu tố này chủ yếu làm sáng tỏ luận điểm vấn đề nghị luận. (Vì các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai đoạn trích trên nhằm mục đích để tố cáo tội ác và sự lừa bịp của thực dân Pháp)

- Vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận: giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn được rõ ràng, cụ thể, sinh động, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn.

*Ví dụ 2: (SGK/115)

a.

- Các yếu tố tự sự và miêu tả trong truyện Chàng Trăng : Kể chuyện thụ thai, bỏ mẹ lên rừng, Chàng không nói, không cười.....

Các yếu tố tự sự và miêu tả trong truyện Nàng Han : Nàng liên kết với người Kinh thù cờ lệnh bằng chần dẹt chỉ ngũ sắc, đánh giặc ngoại xâm.....

- Tác dụng : làm rõ luận điểm sự gần gũi, giống nhau giữa các truyện anh hùng của các dân tộc Việt Nam.

b.

- Hai truyện Chàng Trăng và nàng Han không được kể, tả tất cả mà chỉ nhằm một số đoạn, chi tiết, hình ảnh tương đồng và gần gũi với truyện Thánh Gióng . Vì :

+ Mục đích nghị luận .

+ Ít người biết đến nội dung 2 truyện còn truyện Thánh Gióng lại hoàn toàn không kể, tả vì truyện đã rất quen thuộc với người Việt.

⇒ Vậy khi đưa yếu tố miêu tả và tự sự vào bài văn nghị luận cần cân nhắc kĩ sao cho đáp ứng yêu cầu cần thiết, nhằm để phục vụ việc làm sáng tỏ luận điểm.

2. Ghi nhớ: SGK/116

C.PHẦN 3. LUYỆN TẬP. (HS làm vào bài soạn)

- *HS làm bài tập 1,2, SGK/ trang 116*

TIẾT 109:

TỔNG KẾT PHẦN VĂN + TỔNG KẾT PHẦN VĂN (tt) + TỔNG KẾT PHẦN VĂN (tt)

PHẦN I: HS ĐỌC - SOẠN BÀI THEO TRỌNG TÂM.

Bài 1: TỔNG KẾT PHẦN VĂN (SGK/130)

? Lập bảng thống kê các văn bản văn học Việt Nam đã học từ bài 15 ở lớp 8 theo mẫu.

Văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung chủ yếu

Bài 2: TỔNG KẾT PHẦN VĂN (tt)- SGK/144.

? Hãy chứng minh các văn bản nghị luận “ Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta, Bàn luận về phép học ” đều được viết có lí, có tình, có chứng cứ, nên đều có sức thuyết phục cao.

? Nêu những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại các văn bản “ Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta ”.

? Qua văn bản “ Nước Đại Việt ta ”, hãy cho biết vì sao tác phẩm “ Bình Ngô đại cáo ” được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam khi đó. So với bài “ Sông núi nước Nam ” (học ở lớp 7) cũng được coi là bản tuyên ngôn độc lập, em thấy ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong văn bản “ Nước Đại Việt ta ” có điểm gì mới.

Bài 3: TỔNG KẾT PHẦN VĂN (tt)- SGK/148.

? Nhắc lại chủ đề của ba văn bản nhật dụng đã học ở lớp 8. Chỉ ra phương thức biểu đạt chủ yếu mà mỗi văn bản sử dụng.

Văn bản	Phương thức biểu đạt chủ yếu	Chủ đề

PHẦN II: NỘI DUNG GHI BÀI (Các em ghi phần này vào tập bài học).

1. Lập bảng thống kê các văn bản văn học trọng tâm.

(Các em có thể in ra rồi dán vào tập)

TT	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung chủ yếu
1	Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác.	Phan Bội Châu (1867-1940)	Thất ngôn bát cú Đường luật	Thể hiện phong thái ung dung, đường hoàng và khí phách kiên cường, bất khuất vượt lên trên cảnh tù ngục khốc liệt của nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu.
2	Đập đá ở Côn Lôn	Phan Châu Trinh (1872-1926)	Thất ngôn bát cú Đường luật	Giúp ta cảm nhận một hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp bước nguy nan vẫn không sờn lòng đổi chí.
3	Nhớ rừng	Thế Lữ	Thơ tám chữ	Mượn lời con hổ bị nhốt ở

		(1907-1989)		vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do mãnh liệt của tác giả. Bài thơ đã khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy.
4	Ông đồ	Vũ Đình Liên (1913-1996)	Thơ ngũ ngôn	Bài thơ đã thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của “ông đồ”, qua đó toát lên niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi tiếc nhớ cảnh cũ người xưa của nhà thơ.
5	Quê hương	Tế Hanh (1921)	Thơ tám chữ	Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài. Bài thơ cho thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.
6	Tức cảnh Pác Bó	Hồ Chí Minh (1890-1969)	Thất ngôn tứ tuyệt	Bài thơ cho thấy tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.
7	Ngắm trăng	Hồ Chí Minh (1890-1969)	Thất ngôn tứ tuyệt	Bài thơ cho thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ tối tăm.
8	Chiếu dời đô	Lí Công Uẩn (974-1028)	Chiếu	Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. Bài chiếu có sức thuyết

				phục mạnh mẽ vì nói đúng được ý nguyện của nhân dân, có sự kết hợp hài hòa giữa lí và tình.
9	Hịch tướng sĩ	Trần Quốc Tuấn (1231-1300)	Hịch	Phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược. Đây là một áng văn chính luận xuất sắc, có sự kết hợp giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sức lôi cuốn mạnh mẽ.
10	Nước Đại Việt ta	Nguyễn Trãi (1380-1442)	Cáo	Đoạn trích Nước Đại Việt ta có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử; kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định thất bại.
11	Bàn luận về phép học	Nguyễn Thiếp (1723-1804)	Tấu	Bài “Bàn luận về phép học” giúp ta hiểu mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải để cầu danh lợi. Muốn học tốt phải có phương pháp, học cho gọn nhưng phải nắm cho gọn, đặc biệt, học phải đi đôi với hành.

2. Các văn bản nghị luận trung đại được viết có lí, có tình, nên đều có sức thuyết phục cao.

- Có lí tức là có luận điểm xác đáng, lập luận chặt chẽ.
- Có tình là có cảm xúc, gửi gắm một niềm tin, một khát vọng... thiết tha.
- Có chứng cứ từ thực tế lịch sử, vị trí địa lí... không thể bác bỏ.
(xem lại cụ thể trong từng văn bản)

3. Giá trị to lớn của văn bản “ Nước Đại Việt ta”:

- Là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc Đại Việt.
 - * Hoàn cảnh ra đời: (SGK/67)
 - * Ý nghĩa: ghi nhớ (SGK/69)
- Bài “ Sông núi nước Nam” ý thức độc lập dân tộc thể hiện qua hai yếu tố là chủ quyền và lãnh thổ thì bài “ Nước Đại Việt ta” được Nguyễn Trãi kế thừa và phát triển toàn diện trên 5 yếu tố: nền văn hiến, lãnh thổ, phong tục, chủ quyền, truyền thống lịch sử.

4. Những nét giống và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại ba văn bản “Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta”.

* Giống nhau: Tinh thần dân tộc sâu sắc, lòng yêu nước nồng nàn là gốc của sắc thái biểu cảm.

* Khác nhau:

- Chiếu dời đô: thể hiện ý chí tự cường của một dân tộc đang trên đà lớn mạnh.
- Hịch tướng sĩ: tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.
- Nước Đại Việt ta: ý thức sâu sắc, đầy tự hào về đất nước độc lập, có chủ quyền.

5. Lập bảng thống kê 3 văn bản nhật dụng đã học ở lớp 8.

TT	Văn bản	Phương thức biểu đạt chủ yếu	Chủ đề
1	Thông tin về ngày trái đất năm 2000	nghị luận, thuyết minh	Tuyên truyền, phổ biến một ngày không dùng bao bì ni lông để bảo vệ trái đất- ngôi nhà chung của chúng ta.
2	Ôn dịch, thuốc lá	nghị luận, thuyết minh	Thuốc lá giống như ôn dịch và còn nguy hiểm hơn ôn dịch nên chống lại thuốc lá là vấn đề văn hóa, xã hội quan trọng, thiết thực của loài người.
3	Bài toán dân số	nghị luận, tự sự, thuyết minh	Đất đai không sinh thêm, con người lại ngày càng nhiều lên gấp bội. Hạn chế gia tăng dân số là đòi hỏi tất yếu của sự phát triển loài người.

DẶN DÒ

(Các em học sinh ghi chép bài và làm bài tập vào vở bài học và bài soạn. Khi đi học lại, các em nộp vở cho GV bộ môn để được điểm cộng.)